

Số: 158/VPS

Khánh Hoà, ngày 27 tháng 10 năm 2021

V/v Báo cáo công tác thực hành
tiết kiệm chống lãng phí năm
2021

Kính gửi: Phòng Tài chính Hành Chính sự nghiệp.

Văn phòng - Sở Tài chính nhận được văn bản số 3846/STC-TCHCSN ngày 11/10/2021 của Sở Tài chính về việc báo cáo thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021, Văn phòng Sở báo cáo như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (THTK, CLP):

Sở Tài chính đã thực hiện phổ biến Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

- Thực hiện đúng quy định Luật Ngân sách, quản lý ngân sách đúng quy định, hiệu quả, tiết kiệm và chống lãng phí.

- Thực hiện công khai, minh bạch tài chính: Sở đã thực hiện công khai tài chính, công khai mua sắm tài sản niêm yết tại cơ quan. Quán triệt tư tưởng, đạo đức, tác phong liêm chính cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

- Thực hiện mua sắm tài sản: Thực hiện mua sắm, trang bị, sửa chữa, quản lý tài sản theo đúng quy định của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập.

Chế độ sửa chữa, bảo dưỡng tài sản được các đơn vị quan tâm lập kế hoạch để thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản; chưa xảy ra tình trạng đầu tư, mua sắm, sửa chữa gây lãng phí.

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó yêu cầu toàn thể cán bộ, công chức người lao động sử dụng và quản lý tài sản công hiệu quả, đúng mục đích tránh tình trạng lãng phí.

- Căn cứ Quyết định số 250A/QĐ-UBND ngày 28/01/2021 của UBND tỉnh Khánh Hòa; Sở Tài chính đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 tại Quyết định số 55/QĐ-STC ngày 25/02/2021.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí *(theo biểu số liệu đính kèm)*.

2. Hành vi lãng phí và kết quả xử lý hành vi lãng phí

- Số vụ việc lãng phí đã phát hiện: 0.

- Số vụ việc đã được xử lý: 0.

- Số người vi phạm và hình thức xử lý: 0.

3. Phân tích, đánh giá

Trên cơ sở các văn bản hướng dẫn thực hiện của Bộ, ngành, Trung ương và các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của tỉnh. Sở đã ban hành Chương trình tiết kiệm, phòng chống lãng phí trong các cuộc họp nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong việc chấp hành và thực hiện có hiệu quả. Triển khai thực hiện tốt chương trình kế hoạch đã xây dựng hàng năm.

Thực hiện tốt các quy định về công khai tài chính đối với các cấp ngân sách, từ khâu phân bổ kinh phí đến khâu quyết toán hàng năm tạo điều kiện cho việc thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong những năm tiếp theo.

- Tiếp tục triển khai thực hiện công khai tài chính, công khai mua sắm tài sản theo đúng quy định của nhà nước.

- Tăng cường kiểm tra việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chủ động xây dựng các tiêu chí đánh giá trong đó việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là tiêu chí để đánh giá khen thưởng, thi đua.

- Tiếp tục chấp hành nghiêm túc các biện pháp thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí theo Luật thực hành, chống lãng phí.

- Học tập, nghiên cứu, quán triệt Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản quy định liên quan của nhà nước. Tiếp tục học tập và làm theo tấm gương Hồ Chí Minh.

- Thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý, sử dụng tài sản đã ban hành.

- Tham gia đầy đủ các phong trào thực hành tiết kiệm do các cấp tổ chức.

Trên đây là báo cáo thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021, Văn phòng Sở gửi phòng Tài chính hành chính sự nghiệp tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.

VĂN PHÒNG SỞ



Lê Thị Huyền

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ
Kỳ báo cáo: 2021

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả năm trước	Kế hoạch	Kết quả báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	8=6/5(%)	9
I	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản	1	1	1			
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản		1	1			
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc	2	2	3			
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ	0	0	0			
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi	triệu đồng	0	0	0			

	và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)							
II	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước							
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN							
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		680	700	757	111%	108%	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi
	<i>Tiết kiệm văn phòng phẩm</i>	<i>triệu đồng</i>	60	60	68	113%	113%	
	<i>Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc</i>	<i>triệu đồng</i>	50	60	52	104%	87%	
	<i>Tiết kiệm sử dụng điện</i>	<i>triệu đồng</i>	55	60	70	127%	117%	
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	<i>triệu đồng</i>	70	70	77	110%	110%	
	<i>Tiết kiệm nước sạch</i>	<i>triệu đồng</i>	42	40	45	107%	113%	
	<i>Tiết kiệm công tác phí</i>	<i>triệu đồng</i>	80	100	85	106%	85%	
	<i>Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo</i>	<i>triệu đồng</i>	66	60	70	106%	117%	
	<i>Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm</i>	<i>triệu đồng</i>	98	100	110	112%	110%	
	<i>Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài</i>	<i>triệu đồng</i>	111	100	120	108%	120%	

	<i>sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc</i>							được duyệt
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	58	50	60	103%	120%	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự toán</i>	triệu đồng						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng						
	<i>Thương thảo hợp đồng</i>	triệu đồng						
	<i>Các nội dung khác</i>							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng						khoán chi được duyệt
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện	đơn vị						

[illegible]

1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng						Tiết kiệm so với dự toán được phê duyệt
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lượng</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						

2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
V Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên								
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2						
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						

1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ						
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước								
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp								
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng	triệu đồng						

	<i>Tiết kiệm điện</i>	Kw/h						
	<i>Tiết kiệm xăng, dầu</i>	Tân (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							
	<i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	<i>triệu đồng</i>						
	<i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	<i>triệu đồng</i>						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	<i>Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>dự án</i>						
	<i>Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật</i>	<i>triệu đồng</i>						

2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	<i>Số tiền tiết kiệm được</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt</i>	triệu đồng						
	<i>Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí</i>	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	<i>Số lượng xe đầu kỳ</i>	chiếc						
	<i>Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ</i>	triệu đồng						
	<i>Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)</i>	chiếc						
	<i>Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng</i>	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	<i>Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ</i>	chiếc						
	<i>Số tiền mua xe trang bị sai chế độ</i>	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
6	Vốn chủ sở hữu							

	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân								
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THTK, CLP	Lượt hộ						
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về TUTK, CLP								
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc						
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP đã hoàn thành	cuộc						
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THTK, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THTK, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị						
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng						
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng						